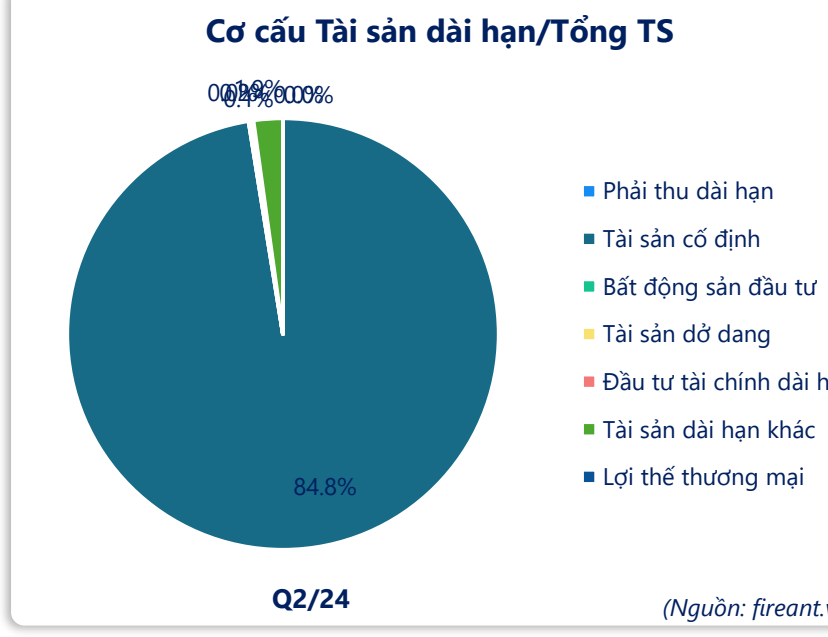
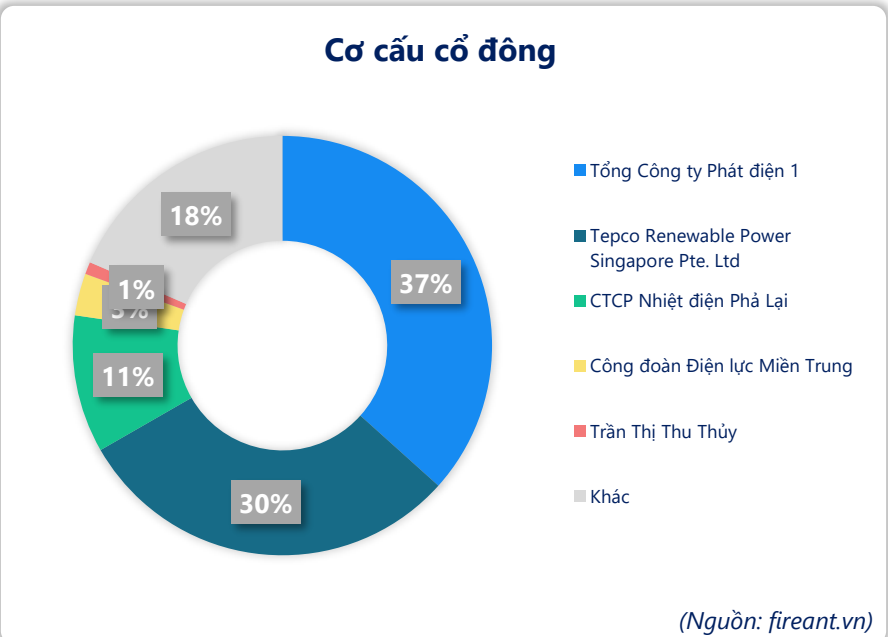
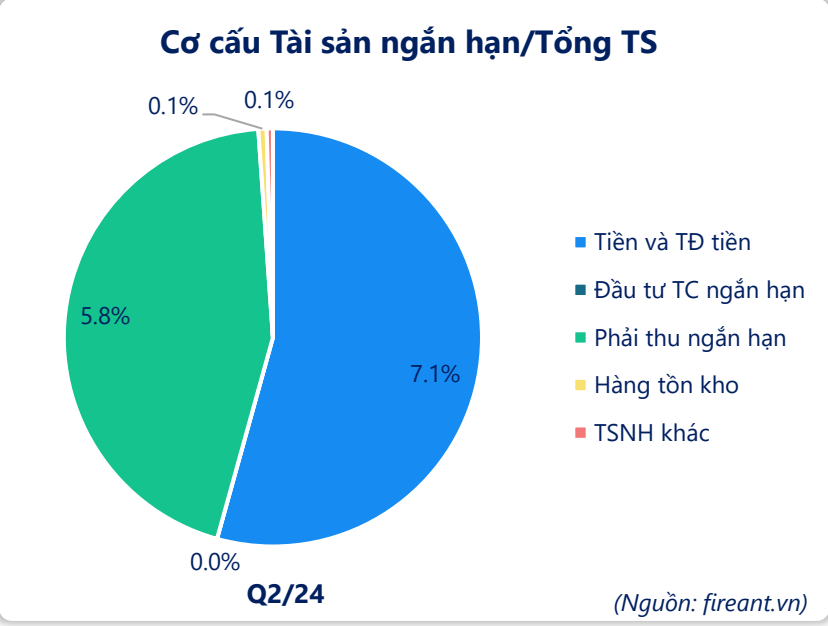
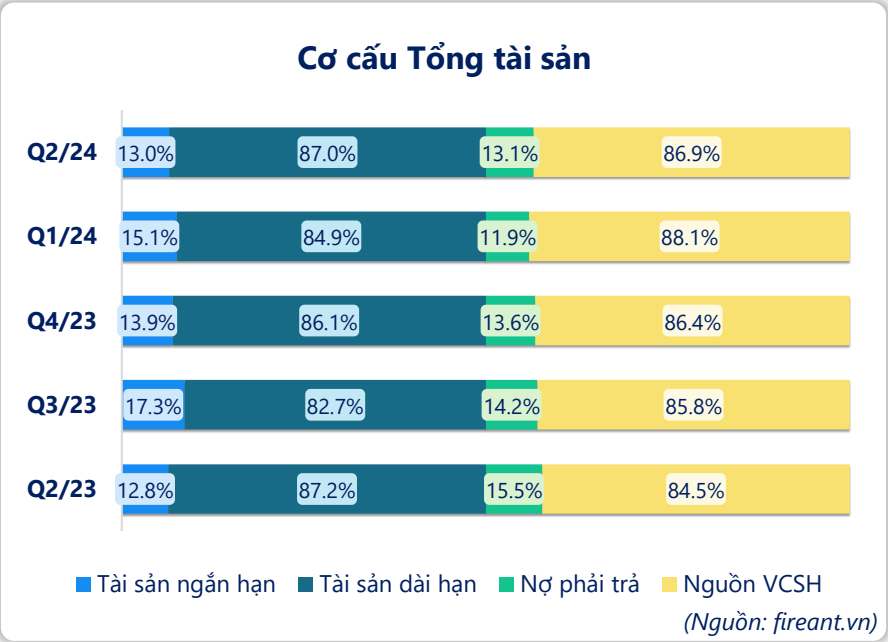
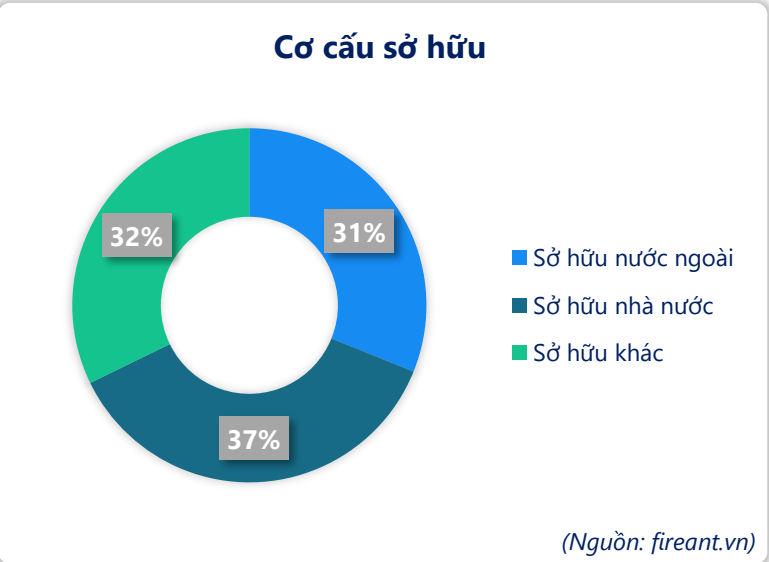
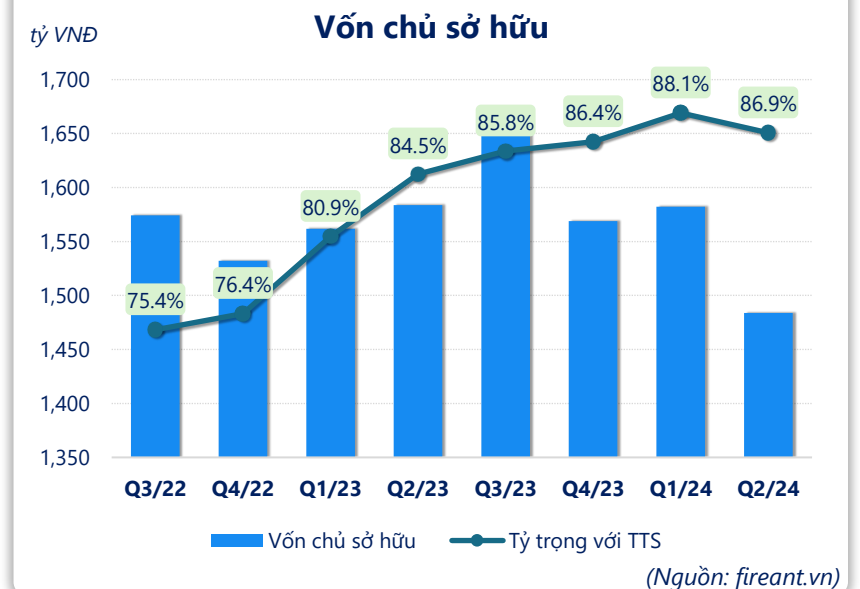
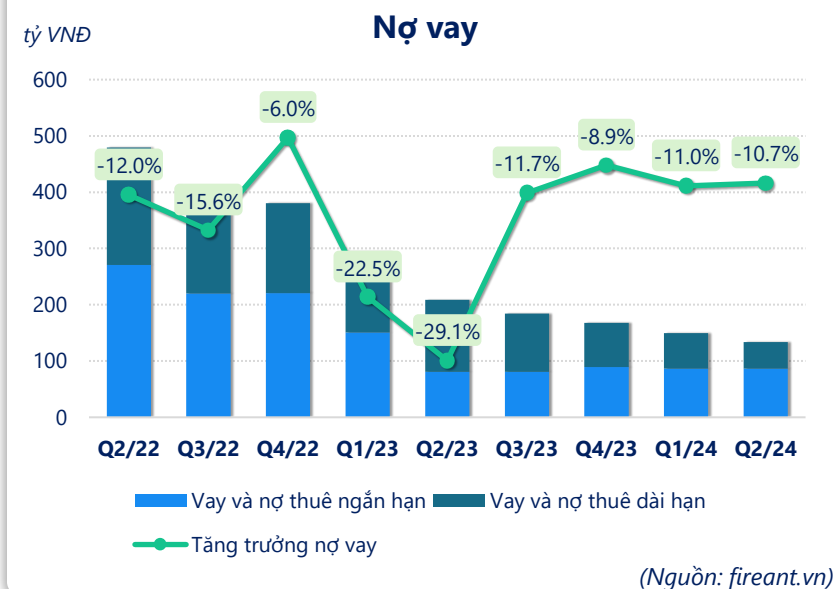
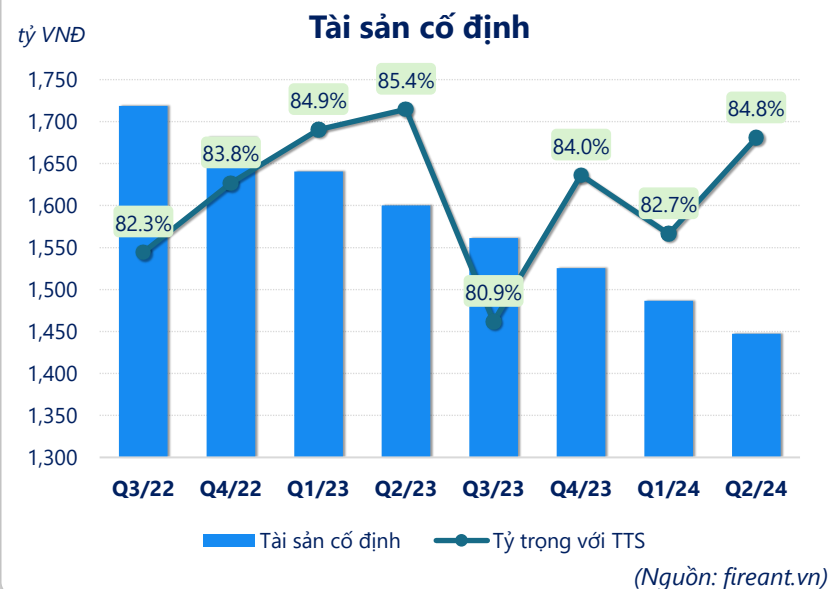
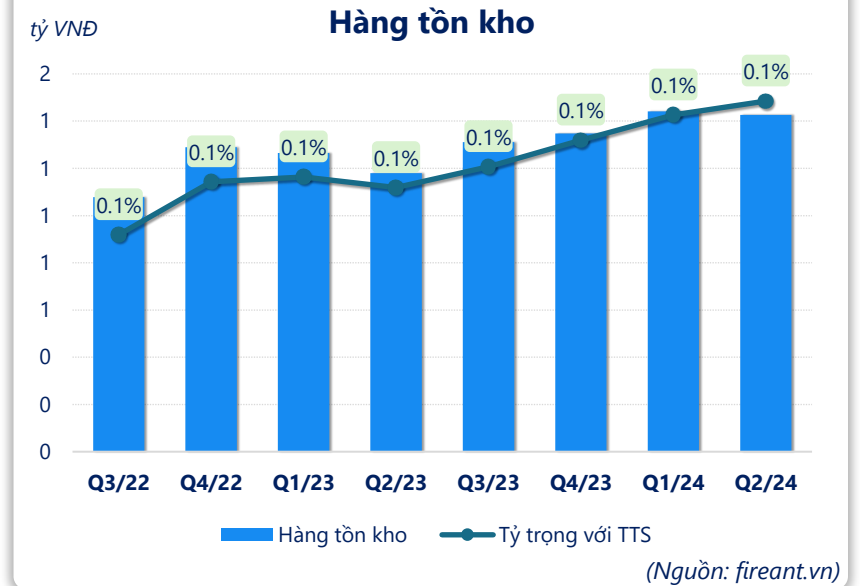
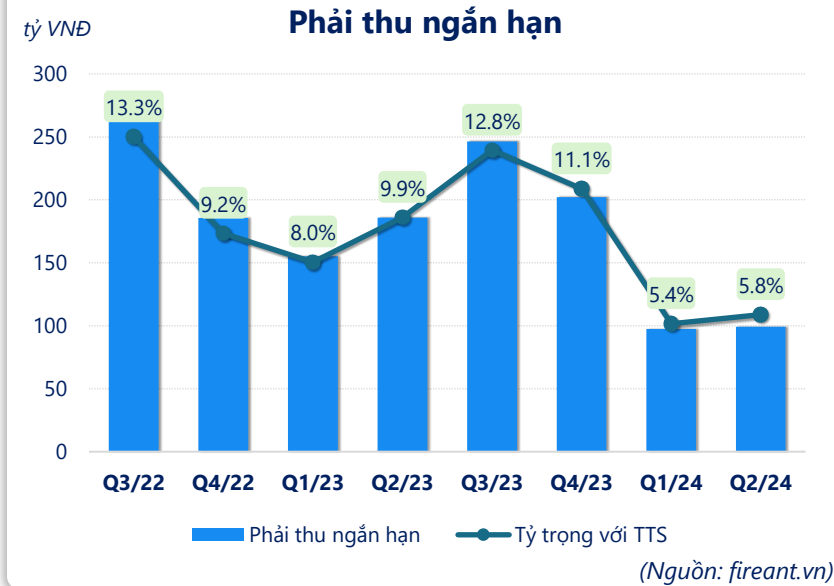
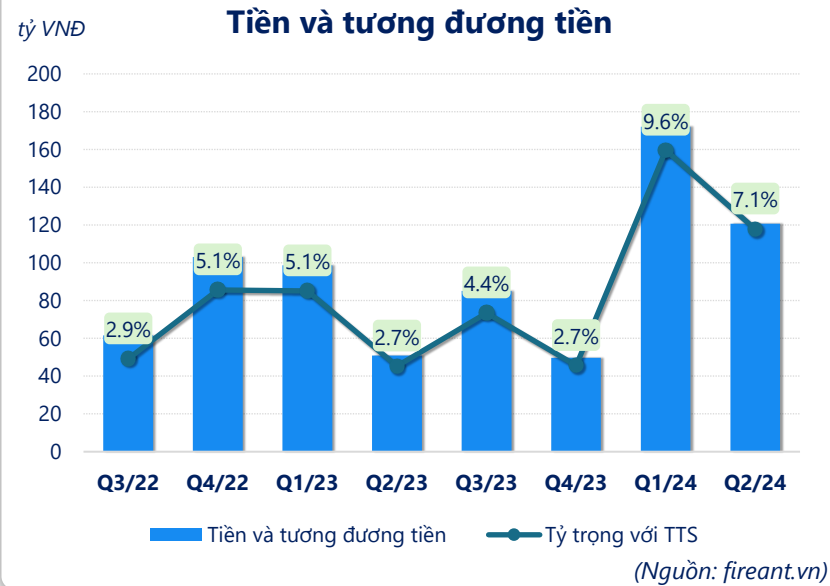
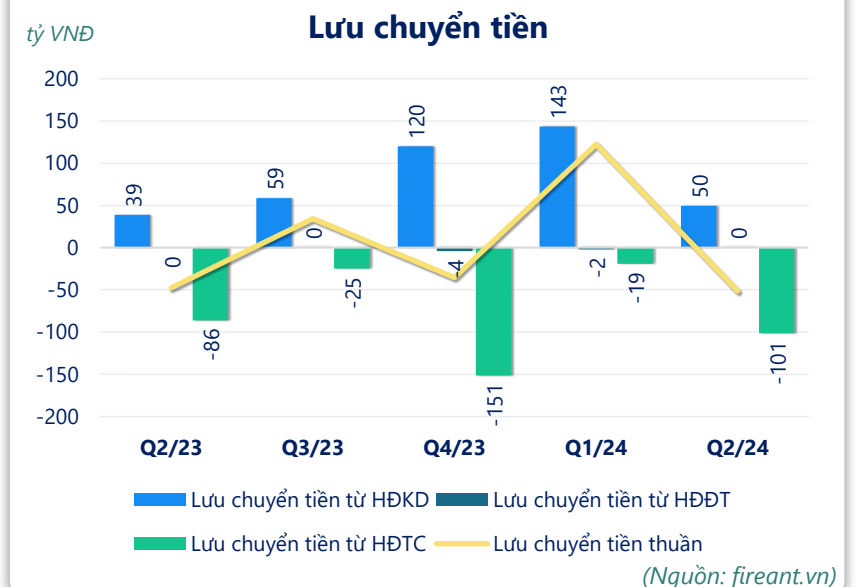
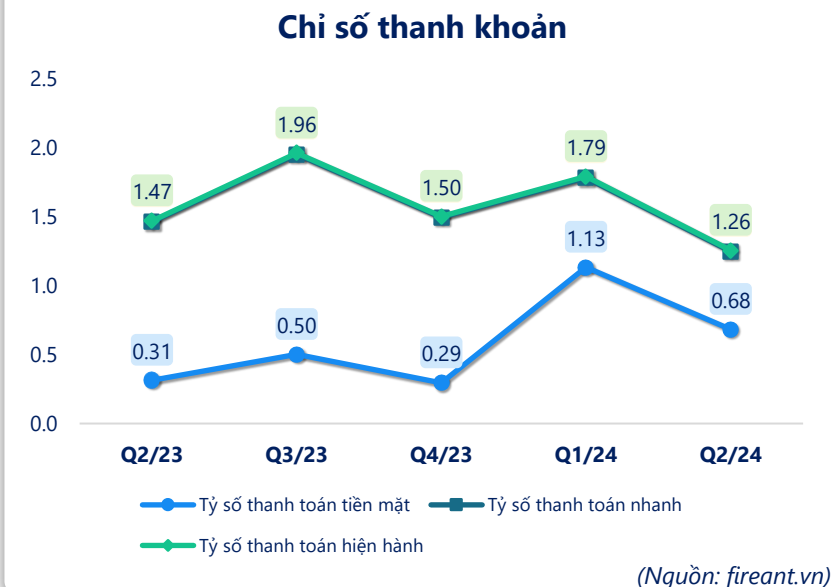
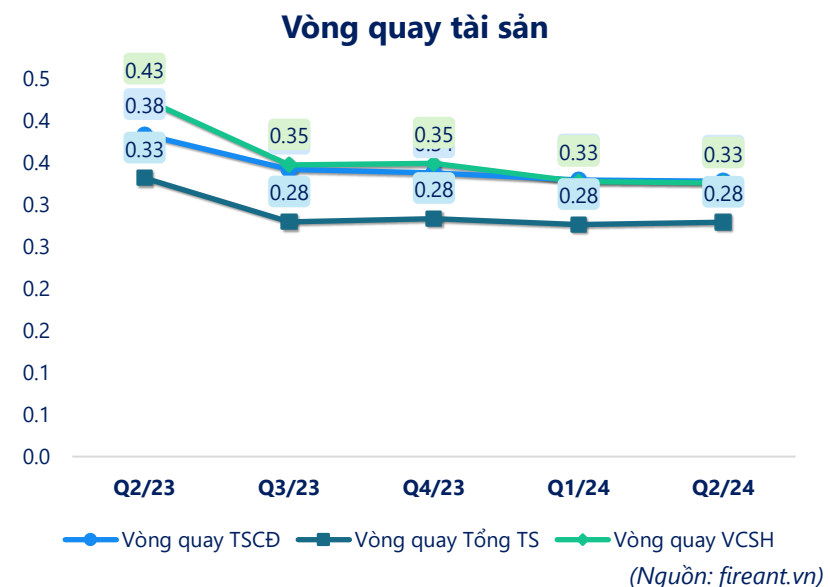
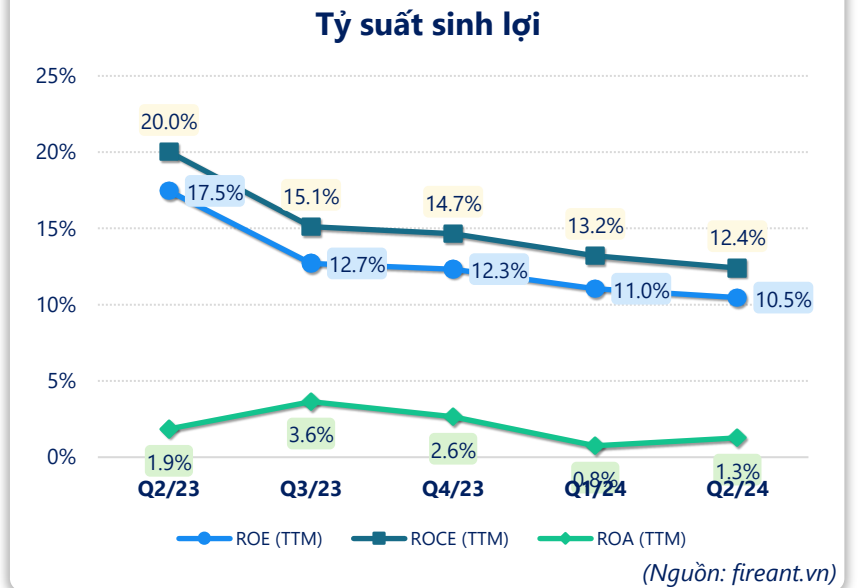
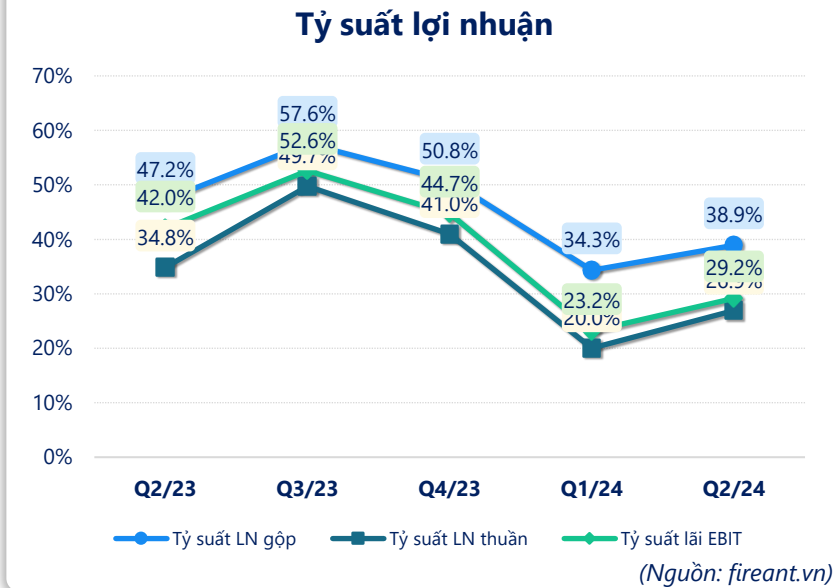
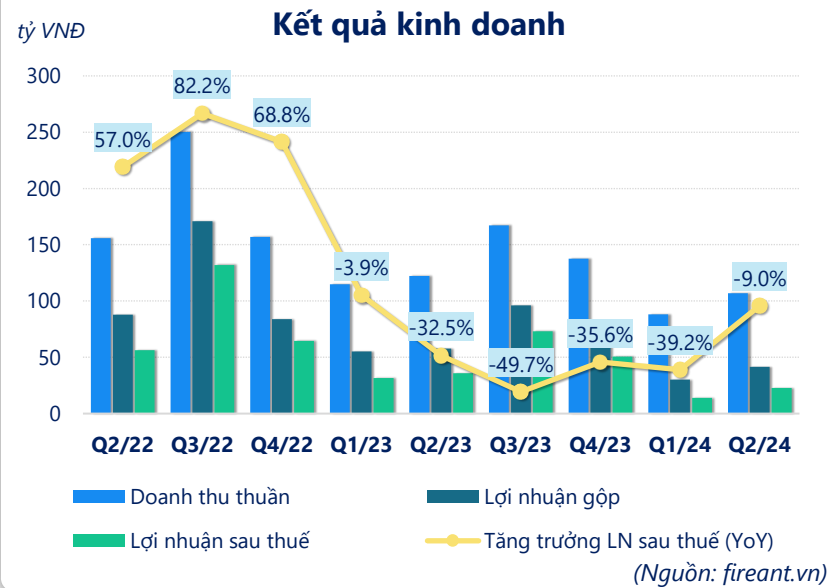


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		26,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,015
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,899
SL cổ phiếu LH		106,589,629
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,175
% sở hữu nước ngoài		31.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,857
P/E		17.8
EPS		1,506

	YTD	1T	3T	6T
VPD	18.7%	3.1%	4.2%	17.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,708	1,817	-6.0%
Tài sản ngắn hạn	222	253	-12.2%
Tiền và tương đương tiền	121	49.7	143%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	99.1	202	-51.0%
Hàng tồn kho	1.43	1.35	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	0.18	500%
Tài sản dài hạn	1,485	1,563	-5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,447	1,525	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.27	2.55	28.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.95	1.95	0.0%
Tài sản dài hạn khác	32.6	33.7	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	224	249	-10.0%
Nợ ngắn hạn	177	170	4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.7	89.2	-2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.35	9.65	-3.1%
Nợ dài hạn	46.8	78.8	-40.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.8	78.8	-40.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,484	1,568	-5.4%
Vốn chủ sở hữu	1,484	1,568	-5.4%
Vốn điều lệ	1,066	1,066	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	122	167	138	88.2	107
Giá vốn hàng bán	64.5	70.9	67.8	57.9	65.3
Lợi nhuận gộp	57.8	96.2	69.9	30.3	41.6
Doanh thu HĐTC	0.09	0.53	0.25	0.36	0.52
Chi phí TC	6.72	4.94	3.92	3.19	2.84
Chi phí lãi vay	8.96	4.82	3.59	2.85	2.50
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.54	8.66	9.84	9.79	10.5
LN thuần từ HĐKD	42.6	83.1	56.4	17.6	28.8
Lợi nhuận khác	-0.19	-0.05	1.59	-0.07	-0.08
LN trước thuế	42.4	83.0	58.0	17.6	28.7
Lợi nhuận sau thuế	36.0	73.1	50.5	14.0	22.8
LNST của CĐ cty mẹ	36.0	73.1	50.5	14.0	22.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.9	58.6	120	143	49.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.21	0.45	-3.88	-1.92	0.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-86.4	-25.0	-151	-19.2	-101
Tiền đầu kỳ	98.6	51.0	85.1	49.7	172
Lưu chuyển tiền thuần	-47.7	34.1	-35.4	122	-51.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	51.0	85.1	49.7	172	121

(Nguồn: fireant.vn)